TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 58/2023/DS-ST
Ngày: 27 - 7 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phảiúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Xuân Hiếu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim phảii.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 424/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-Ds ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị V, sinh năm 1955, địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Tiến N, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng ủy quyền ngày 12/7/2022.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Tuyết P, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: Đường B, khu phố C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà V và đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông N có mặt tại phiên tòa; bị đơn bà P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản lấy lời khai; biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn (bà V) và đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông N) trình bày:

Bà V và bà P có mối quan hệ quen biết, ở gần nhà nhau. Ngày 09/10/2019 bà P có vay của bà V số tiền 240.000.000 đồng, hai bên ghi và ký "giấy nợ tiền" để xác nhận bà P còn nợ bà V số tiền 240.000.000 đồng. Số tiền 240.000.000 đồng ghi trong giấy nợ là số tiền bà P mượn giùm cho ông Nguyễn PhướcH là 120.000.000 đồng, mượn giùm cho bà Hà Thị T 20.000.000 đồng, mượn giùm bà phạm Thị T1 100.000.000 đồng. Vì bà P đứng ra mượn giùm cho những người này nên bà V yêu cầu bà P phải có trách nhiệm trả nợ và yêu cầu bà P ghi giấy nợ tiền. Vào ngày 17/11/2018, bà P có trả cho bà V 20.000.000 đồng, hai bên có ghi chốt lại bà P còn nợ 220.000.000 đồng, vào ngày 04/4/2021 bà P trả thêm cho bà V 50.000.000 đồng, chốt lại giấy nợ là còn 170.000.000 đồng, con bà V là Nguyễn Đức D nhận số tiền 50.000.000 đồng và có ký xác nhận.

Ngày 01/11/2022, bà V khởi kiện bổ sung yêu cầu bà P thanh toán số tiền hụi là 243.645.000 đồng ghi ngày 27/9/2020 và 45.970.000 đồng ghi ngày 07/9/2020, tổng số tiền bà V yêu cầu bà P thanh toán là 289.615.000 đồng tiền nợ hụi.

Đối với số tiền nợ 170.000.000 đồng này bà V đã khởi kiện và bà P đã đồng ý trả cho bà V, nên đã được Tòa án ra Quyết định công nhận thỏa thuận số 52/2022/QĐST-DS ngày 15/7/2022. Ngoài số tiền nợ 170.000.000 đồng này bà P không mượn số tiền nào khác của bà V. Vì vậy, bà V xin rút yêu cầu đối với yêu cầu bà P trả 240.000.000 đồng, bà V chỉ yêu cầu bà P trả tiền hụi là 243.645.000 đồng ghi ngày 27/9/2020 và 45.970.000 đồng ghi ngày 07/9/2020.

Giấy giao hụi mà bà P cung cấp cho Tòa án gồm 04 Giấy giao tiền hụi ngày 26/11/2019, ngày 30/12/2019, ngày 25/02/2020, ngày 15/3/2020 là giao tiền hụi cho những dây hụi nào thì bà V không biết, không nhớ, bà P lợi dụng bà V già yếu, mắt mờ để lừa cho bà V ký khống, vì thực tế bà P không giao tiền hụi nào cho bà V. Bà V không có ý kiến đối với Kết luận giám định giám định số 705 ngày 16/01/2023 của Bộ Công an.

Bà P cho rằng bà V còn nợ hụi chết là không đúng, bà V chơi nhiều dây hụi do bà P làm chủ hụi nhưng chưa từng được hốt tiền hụi, bà P chưa giao cho bà V khoản tiền hụi nào. Vì vậy, bà V giữ nguyên yêu cầu bà P thanh toán số tiền hụi là 243.645.000 đồng ghi ngày 27/9/2020 và 45.970.000 đồng ghi ngày 07/9/2020, tổng số tiền bà V yêu cầu bà P thanh toán là 289.615.000 đồng tiền nợ hụi.

Ngoài ra, bà V, ông N không có ý kiến nào khác.

** Theo bản tự khai; biên bản lấy lời khai, bị đơn (bà P) trình bày:*

Số tiền 240.000.000 đồng ghi trong giấy nợ là số tiền bà P mượn giùm cho ông Nguyễn Phước H là 120.000.000 đồng, mượn giùm cho bà Hà Thị T 20.000.000 đồng, mượn giùm bà Phạm Thị T1 100.000.000 đồng. Vì bà P đứng ra mượn giùm cho những người này nên bà V yêu cầu bà P phải có trách nhiệm trả nợ và yêu cầu bà P ghi giấy nợ tiền. Vào ngày 17/11/2018, bà P có trả cho bà V 20.000.000 đồng, bà V có ghi chốt lại bà P còn nợ 220.000.000 đồng, vào ngày 04/4/2021 bà P trả thêm cho bà V 50.000.000 đồng, chốt lại giấy nợ là còn 170.000.000 đồng, con bà V là Nguyễn Đức D nhận số tiền 50.000.000 đồng và có ký xác nhận. Số tiền nợ 170.000.000 đồng này bà V đã khởi kiện bà P và bà P đã đồng ý trả cho bà V, được Tòa án ra Quyết định công nhận thỏa thuận số 52/2022/QĐST-DS ngày 15/7/2022. Ngoài số tiền nợ 170.000.000 đồng này bà P không mượn số tiền nào khác của bà V. Nay bà V dùng giấy nợ tiền ngày 09/10/2019 (bản chính) để kiện bà P tiếp là không đúng. Số tiền nợ 240.000.000 đồng này bà V yêu cầu bà P ghi nhiều lần, ghi trong sổ nhỏ, ghi trong tờ giấy, ghi trong sổ lớn, do bà V nói làm mất giấy nợ, có khi bà V nói không nhớ để đâu rồi yêu cầu bà P ghi lại để chồng bà V khỏi chửi. Ngày 04/4/2021 khi bà P trả 50.000.000 đồng cho bà V, bà V cho con tên D đến lấy thì D và bà P có chốt lại tiền nợ là 170.000.000 đồng thì bà P không lấy lại bản chính giấy nợ tiền ngày 09/10/2019, nay bà V lấy giấy nợ này để khởi kiện thì bà P không đồng ý. Bà P có ghi giấy nợ nhiều lần cho bà V nhưng thực tế bà P chỉ nợ bà V số tiền 240.000.000 đồng, đã trả 70.000.000 đồng chỉ còn 170.000.000 đồng và số nợ này bà V đã khởi kiện, đã được Tòa án giải quyết bằng Quyết định công nhận thỏa thuận số 52/2022/QĐST-DS ngày 15/7/2022.

Ngoài ký giấy vay tiền ngày 04/4/2021 thì giữa bà P và bà V có chơi hụi với nhau. Gồm các dây hụi sau:

- Giấy giao tiền hụi ngày 26/11/2019 là tôi giao 115.400.000 đồng cho bà V hốt dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 28 phần, khui ngày 20/02/2019, ngày 20/11/2019 bà V hốt hụi ở kỳ thứ 10, ngày 26/11/2019 tôi giao tiền hụi.

- Giấy giao tiền hụi ngày 30/12/2019 là tôi giao 46.450.000 đồng cho bà V hốt dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, hụi khui ngày 30/8/2018. Nhưng tôi ghi lộn, thực tế đây là dây hụi 3.000.000 đồng/phần, gồm 24 phần, bà V hốt kỳ thứ 9 còn lại 16 phần.

- Giấy giao tiền hụi ngày 25/02/2020 là tôi giao 63.200.000 đồng cho bà V hốt dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 35 phần.

- Giấy giao tiền hụi ngày 21/3/2020 là tôi giao 38.200.000 đồng cho bà V hốt dây hụi 5.000.000 đồng/tháng khui ngày 15/3/2020, gồm 12 phần.

Đối với hai dây hụi 5.000.000 đồng thì bà P và bà V cấn trừ hụi, bà P không giao tiền mặt cho bà V; đối với hai dây hụi 2.000.000 đồng thì bà P giao tiền mặt cho bà V. Các lần giao tiền hụi đều làm giấy ký nhận đó là 04 giấy giao tiền hụi các ngày 26/11/2019, ngày 30/12/2019, ngày 15/3/2020, ngày 25/02/2020 (bản chính). Theo kết luận giám định giám định số 705 ngày

16/01/2023 của Bộ Công an kết luận thì chữ ký V, chữ viết Hồ Thị V trên giấy giao tiền hụi ngày 30/12/2019 thì bà V nhờ cháu ký giùm, bà P không nhớ cháu bà V tên gì. Bà P có ghi rõ về tiền vay, tiền hụi, nợ hụi, hốt hụi, tiền đóng lãi cho bà V và bà P có ghi chốt tiền nợ cho bà V vào cuốn sổ ô ly rồi đưa cho bà V cất giữ. Trong sổ ghi nợ của bà V thì bà P đã chốt nợ với bà V vào ngày 27/9/2020 thì bà P còn nợ bà V số tiền 243.645.000 đồng.

Tiền nợ 243.645.000 đồng ghi ngày 27/9/2020 thì đây là khoản nợ tiền hụi và tiền lời của 170.000.000 đồng, bà P không có tiền mặt để đóng lãi nên bà V yêu cầu bà P cộng dồn tiền lãi hàng tháng và tiền nợ hụi thành khoản nợ 243.645.000 đồng.

Bà P thừa nhận còn nợ bà V số tiền 243.645.000 đồng, bà P yêu cầu bà V đóng lại cho bà P 02 dây hụi chưa đóng hụi chết tổng số tiền 73.000.000 đồng của hai dây hụi như sau: Dây hụi 5.000.000 đồng/phần/tháng, khui ngày 15/3/2020 gồm 12 phần, bà V hốt đầu tiên vào ngày 15/3/2020, bà V mới đóng hụi chết đến ngày 15/9/2020, bà P đã giao tiền mặt là 40.700.000 đồng cho bà V, bà V mới đóng hụi chết đến ngày 15/9/2020, còn nợ lại 5 kỳ hụi chết là 25.000.000 đồng và dây hụi 3.000.000 đồng/phần/tháng, gồm 24 phần, khui ngày 30/8/2018, bà V hốt ngày 30/5/2019 với số tiền 61.500.000 đồng, bà V mới đóng đến 15/9/2019 là 09 kỳ, còn lại 16 phần (16 phần x 3.000.000 đồng/phần) số tiền 48.000.000 đồng chưa đóng. Hai dây hụi này do bà P đã giao tiền mặt cho bà V nên bà P không ghi trong sổ nợ của bà V đang giữ. Như vậy, sau khi cấn trừ thì bà P chỉ còn nợ bà V số tiền là 170.645.000 đồng. Hai dây hụi này đã mãn, do bà P giao tiền mặt cho bà V nên bà P không ghi trong sổ nợ của bà V. Trong 170.645.000 đồng này có 80.000.000 đồng tiền lãi hàng tháng bà V bắt bà P cộng dồn rồi ghi giấy nợ, tiền lãi này quá cao nên bà P không đồng ý trả, bà P yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà V, bà P chỉ đồng ý trả số tiền còn lại là 90.645.000 đồng cho bà V.

Ngoài ra, bà P không có yêu cầu, ý kiến gì thêm.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật; Điều 68 về tư các tham gia tố tụng; các Điều từ 93 đến 97 về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đúng thành phần. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy, căn cứ vào giấy xác nhận nợ tiền hụi ngày 07/9/2020, ngày 27/9/2020 thì số tiền hụi bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 45.970.000 đồng và 243.645.000 đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa

thanh toán nên khởi kiện. Bị đơn thừa nhận chỉ còn nợ số tiền 243.645.000 đồng. Đối với số tiền hụi 45.970.000 đồng, bị đơn bà P cho rằng đã được tính vào số tiền hụi ngày 27/9/2020 là 243.645.000 đồng, tuy nhiên theo giấy xác nhận nợ hụi thì ngày 15/02/2021, bị đơn vẫn chưa thanh toán tiền hụi 45.970.000 đồng, các giấy xác nhận nợ hụi ngày 07/9/2020, ngày 27/9/2020 do bị đơn lập. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hụi viên và chủ hụi, bị đơn không giao tiền lĩnh hụi cho hụi viên là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi. Đề nghị căn cứ Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp tiền hụi 45.970.000 đồng và 243.645.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và tiền hụi, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà P ngụ tại khu phố C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Về thủ tục tống đạt, niêm yết: Do bị đơn bà P đã được Tòa án tống đạt, niêm yết theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản":

Quá trình giải quyết vụ án, bà V và bà P thống nhất khai: Ngày 09/10/2019 bà P có vay của bà V số tiền 240.000.000 đồng, hai bên ghi và ký "giấy nợ tiền" đề ngày 09/10/2019 để xác nhận bà P có vay của bà V số tiền 240.000.000 đồng. Số tiền 240.000.000 đồng ghi trong giấy nợ là số tiền bà P mượn giùm cho ông Nguyễn Phước H là 120.000.000 đồng, mượn giùm cho bà Hà Thị T 20.000.000 đồng, mượn giùm bà Phạm Thị T1 100.000.000 đồng. Vì bà P đứng ra mượn giùm cho những người này nên bà V yêu cầu bà P phải có

trách nhiệm trả nợ và yêu cầu bà P ghi giấy nợ tiền. Vào ngày 17/11/2018, bà P có trả cho bà V 20.000.000 đồng, hai bên có ghi chốt lại bà P còn nợ 220.000.000 đồng, vào ngày 04/4/2021 bà P trả thêm cho bà V 50.000.000 đồng, chốt lại giấy nợ là còn 170.000.000 đồng, con bà V là Nguyễn Đức D nhận số tiền 50.000.000 đồng và có ký xác nhận. Số tiền nợ 170.000.000 đồng này bà V đã khởi kiện và bà P đã đồng ý trả cho bà V, nên đã được Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng ra Quyết định công nhận thỏa thuận số 52/2022/QĐST-DS ngày 15/7/2022. Hiện nay, ngoài số tiền nợ 170.000.000 đồng này bà P không mượn số tiền nào khác của bà V. Vì vậy bà V xin rút yêu cầu đối với yêu cầu bà P trả 240.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà V xin rút yêu cầu đối với yêu cầu bà P trả 240.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà V nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "tranh chấp tiền hụi":

Bà V trình bày, bà V chơi nhiều dây hụi do bà P làm chủ hụi nhưng chưa từng được hốt tiền hụi, bà P chưa giao cho bà V khoản tiền hụi nào. Vì vậy, bà V yêu cầu bà P thanh toán số tiền hụi là 243.645.000 đồng chốt ngày 27/9/2020 và 45.970.000 đồng chốt ngày 07/9/2020, tổng số tiền bà V yêu cầu bà P thanh toán là 289.615.000 đồng tiền nợ hụi. Chứng cứ bà V cung cấp là bản chính giấy chốt tiền ngày 07/9/2020 và ngày 27/9/2020 do bà P viết.

Theo giấy chốt nợ ngày 27/9/2020 thể hiện bà P chốt nợ đối với dây hụi 5.000.000 đồng/tháng khui ngày 20/9/2020, gồm 28 phần, chết 19 kỳ, còn 09 kỳ mới mãn và dây hụi 5.000.000 đồng/tháng khui ngày 05/9/2020, gồm 35 phần, chết 14 kỳ, còn 21 kỳ mới mãn; sau khi cấn trừ các khoản, bà P chốt còn nợ 243.645.000 đồng.

Theo Giấy chốt tiền nợ ngày 07/9/2020 thể hiện bà P chốt tiền dây hụi 3.000.000 đồng/phần, khui ngày 15/02/2021, đến ngày 15/5/2021 bà V hốt hụi, sau khi cấn trừ các khoản và trừ tiền lời ngày 07/9/2020 thì bà P ghi chốt còn nợ bà V số tiền 45.970.000 đồng.

Bà P thừa nhận hai giấy chốt tiền nợ trên là do bà P ghi rồi giao cho bà V cất giữ. Như vậy, giữa các bên đương sự đã thực hiện giao dịch chơi hụi được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, đây là giao dịch dân sự không vi phạm quy định tại Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự 2015 và đủ điều kiện giao dịch chơi hụi quy định tại Điều 5, 6, 7, 13 Nghị định số 19/2019/NĐCP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nên có hiệu lực. Theo Bản tự khai ngày 01/3/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2023, bà P thừa nhận bà P còn nợ bà V số tiền 243.645.000 đồng. Sự thừa nhận của bà P đã chứng minh việc bà P còn nợ bà V số tiền 243.645.000 đồng là có thật, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 92 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Bà V

yêu cầu bà P có trách nhiệm thanh toán số tiền 243.645.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu bà P thanh toán số tiền 45.970.000 đồng chốt ngày 07/9/2020: Bà P không đồng ý thanh toán số tiền 45.970.000 đồng cho bà V vì cho rằng bà P đã chốt tổng số tiền nợ ngày 27/9/2020 là 243.645.000 đồng, trong số tiền nợ 243.645.000 đồng này đã bao gồm số tiền 45.970.000 đồng.

Xét thấy, giấy chốt tiền nợ ngày 07/9/2020 thực chất là giấy chốt tiền dây hụi 3.000.000 đồng/phần, khui ngày 15/02/2021, đến ngày 15/5/2021 bà V hốt hụi, sau khi cấn trừ các khoản và trừ tiền lời ngày 07/9/2020 thì bà P ghi chốt bà P còn nợ bà V số tiền 45.970.000 đồng. Tại phiên tòa, bà V khai bị nhầm lẫn ngày chốt nợ 15/5/2021 thành ngày 07/9/2020 do trên giấy bà P có ghi ngày 07/9/2020, bà V xác định lại giấy chốt tiền ngày 07/9/2020 thực tế là giấy chốt tiền nợ hụi ngày 15/5/2021. Từ nội dung hai giấy chốt tiền nợ mà bà P viết cho bà V ngày 27/9/2020 và ngày 15/5/2021 đã được Hội đồng xét xử xem xét, cho thấy đây là hai giấy chốt tiền nợ các dây hụi khác nhau, ở hai thời gian khác nhau: Giấy chốt tiền nợ hụi số tiền 243.645.000 đồng được chốt khi bà V hốt hai dây hụi tham gia chơi năm 2020, còn giấy chốt tiền nợ hụi số tiền 45.970.000 đồng được chốt khi bà V hốt dây hụi tham gia chơi năm 2021.

Đối với 04 Giấy giao tiền hụi ngày 26/11/2019, ngày 30/12/2019, ngày 25/02/2020, ngày 15/3/2020 do bà P giao nộp bản chính, bà P khai đây là 04 giấy giao tiền hụi cho những dây hụi bà V chơi nhưng thực tế chỉ giao trên giấy, không giao tiền mặt cho bà V vì hai bên thỏa thuận cấn trừ hụi chết các dây hụi khác. Theo kết luận giám định giám định số 705 ngày 16/01/2023 của Bộ Công an kết luận thì chữ ký V, chữ viết Hồ Thị V trên giấy giao tiền hụi ngày 26/11/2019, ngày 25/02/2020, ngày 15/3/2020 là của bà V; còn chữ ký V, chữ viết Hồ Thị V ngày 30/12/2019 không phải là của bà V là do bà V nhờ cháu ký giùm, bà P không nhớ cháu bà V tên gì. Đối với kết luận về 03 giấy giao tiền hụi còn lại thì bà V, bà P không có ý kiến. Xét thấy, 04 giấy giao tiền hụi mà bà P giao nộp trên thể hiện:

Giấy giao tiền hụi ngày 26/11/2019 là bà P giao tiền hụi của dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, tháng khui một lần ngày 20/11/2019, gồm 28 phần với tổng số tiền 115.400.000 đồng. Giấy giao tiền hụi ngày 30/12/2019 là bà P giao tiền hụi của dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, tháng khui hai lần vào ngày 30/12/2019, gồm 25 phần với tổng số tiền 46.450.000 đồng. Giấy giao tiền hụi ngày 25/02/2020 là bà P giao tiền hụi của dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, tháng khui một lần vào ngày 25/02/2020, gồm 35 phần với tổng số tiền 63.200.000 đồng. Giấy giao tiền hụi ngày 21/3/2020 là bà P giao tiền hụi của dây hụi

5.000.000 đồng/tháng, tháng khui một lần vào ngày 15/3/2020, gồm 12 phần với tổng số tiền 38.200.000 đồng.

Như vậy, 04 giấy giao tiền hụi trên là bà P giao tiền hụi của 04 giấy hụi khác, không liên quan đến dây hụi 3.000.000 đồng/phần, khui ngày 15/02/2021, đến ngày 15/5/2021 bà V hốt hụi và được bà P ghi chốt còn nợ bà V số tiền 45.970.000 đồng. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hụi viên và chủ hụi, nguyên đơn hốt hụi nhưng bị đơn chỉ ghi giấy chốt tiền nợ hụi mà không giao tiền lĩnh hụi cho hụi viên là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi. Lời khai của bà P là không có căn cứ, bà V yêu cầu bà P thanh toán số tiền 45.970.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng số tiền bà P phải thanh toán cho bà V là 289.615.000 đồng.

[2.4] Đối với đơn phản tố ngày 27/4/2023 của bà P: Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 316/TB-TA ngày 27/4/2023 và niêm yết thông báo cho bà P biết để thực hiện nhưng hết thời hạn quy định mà bà P không giao nộp Biên lai thu tiền tạm ứng án phí nên Tòa án không thụ lý giải quyết đơn phản tố của bà P trong vụ án này. Bà P có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 28, 39, 42, 147, 177, 227, 228, 229, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 116, 117, 463, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phảií và lệ phảií Tòa án.

T1 xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc"Tranh chấp tiền hụi" của bà Hồ Thị V.

1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Buộc bà Lê Thị Tuyết P có trách nhiệm thanh toán cho bà Hồ Thị V số tiền 289.615.000 đồng (hai trăm tám mươi chín triệu sáu trăm mười lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Hồ Thị V về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Tuyết P phải nộp 14.480.750 đồng (mười bốn triệu bốn trăm tám mươi ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phảithi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày T1 án (ngày 27/7/2023).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM phán - CHỦ TỌA phiên TÒA

Nguyễn Thị Hoàng